

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 138/2017/HNGĐ - ST.

Ngày 14-8-2017.

V/v “tranh chấp ly hôn
và nuôi dưỡng con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thúy Hằng.
2. Bà Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1986. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Thiên T, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Phước Đức, xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T xây dựng gia đình vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 15/02/2008. Quan hệ hôn nhân giữa chị với anh T là tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh T không có trách nhiệm với vợ con, anh T suốt ngày cờ bạc, chơi đề, cá độ đá banh. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Sau khi về quê sinh sống, anh T vẫn không thay đổi. Nay, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Thảo A, sinh ngày 07/9/2008. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu A đang ở với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị T không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn - anh Trần Thiên T: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn-anh Trần Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Trần Thiên T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, hôn nhân của chị T và anh T không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên cờ bạc, cá độ đá banh và chơi đề. Điều này phù hợp với kết quả xác minh ngày 23/5/2017 của Tòa án và đơn xin xác nhận ngày 16/6/2017 mà chị T cung cấp “...anh T thường xuyên cờ bạc, cá độ đá banh, chơi đề, không chịu làm ăn. Thời gian gần đây anh T

thua bạc...”. Chị T và gia đình đã khuyên bảo anh T thay đổi để làm ăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Như vậy, anh T đã không cùng chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Hiện nay, cháu Trần Thảo A đang ở với chị T và cháu A có nguyện vọng tiếp tục được sống với chị T. Anh T không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T, anh T thường xuyên đánh bạc và không có công việc làm ổn định. Nên yêu cầu nuôi con của chị T là có căn cứ, việc chị T nuôi dưỡng con chung là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Trần Thiên T.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thảo A, sinh ngày 07/9/2008 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Thiên T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.
3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006402 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14-8-2017). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ